

Bản án số: 62/2025/DS-ST

Ngày: 15-8-2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đàm Kiên Dân;

2. Ông Bành Quốc Trung;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1961;

Địa chỉ: khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo uỷ quyền: anh Ngô Trung H, sinh năm 1991;

Địa chỉ: khu phố G, phường S, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt)

2/ *Bị đơn:* Bà Lê Thu T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: khu phố N, phường S, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

3/ *Người làm chứng:*

3.1/ Chị Phạm Thị Kim A, sinh năm 1973;

Địa chỉ: khu phố N, phường S, tỉnh Đồng Tháp; (Xin vắng mặt)

3.2/ Bà Hồ Thị Cẩm V, sinh năm 1958;

Địa chỉ: khu phố T, phường S, tỉnh Đồng Tháp; (Xin vắng mặt)

3.3/ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963;

Địa chỉ: khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Trần Thị Ngọc L là anh Ngô Trung H trình bày:*

Trước đây bà T có tham gia các dây hụi do bà L làm thảo và bà L cũng có tham gia hụi do bà T làm thảo, sau khi kết thúc tất cả các dây hụi hai bên chốt nợ lại với nhau thì bà T thiếu bà L tổng cộng số tiền là 976.000.000 đồng. Ngày 04/11/2018 bà T có viết giấy tay xác nhận việc nợ số tiền trên và có hứa trả dần cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên từ lúc nợ đến nay bà T không thực hiện việc trả nợ. Bà L đã nhiều lần gặp yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T hứa hẹn mà không trả. Việc bà T không trả tiền làm thiệt thòi quyền lợi của bà L nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho bà L số tiền là 976.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

*\* Bà Lê Thu T là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mặc dù tòa án đã triệu tập hợp lệ, không có ý kiến trình bày.*

*\* Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng người làm chứng Phạm Thị Kim A trình bày:*

Chị và các bên tranh chấp không có xích mích hay mâu thuẫn gì. Nhà chị đối diện nhà bà T nên mỗi lần khui hụi chị có thấy bà L đến khui hụi, thời gian cụ thể chị không nhớ do đã lâu, cụ thể tiền bạc giữa các bên như thế nào chị không biết. Chị xin vắng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cam đoan lời trình bày của mình là đúng sự thật.

*\* Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng người làm chứng Hồ Thị Cẩm V trình bày:*

Bà và các bên tranh chấp không có bà con thân thích cũng không có mâu thuẫn xích mích gì, bà làm hụi, hai người là bà L, bà T cũng làm hụi nên có biết nhau. Bà biết bà T làm hụi từ lâu, bà có chơi hụi của bà T, bà T cũng có chơi hụi của bà, bà L cũng vậy, các bên tham gia hụi qua lại. Sự việc chơi hụi của bà T và bà L cụ thể thế nào thì bà không biết chính xác nhưng bà biết các bên có chơi hụi chung với nhau. Hiện tại bà T vẫn còn nợ tiền hụi của bà. Hiện tại thì 03 người gồm bà, bà T, bà L đều ngưng làm hụi.

Các dây hụi bà chơi chung với bà L khoảng từ năm 2014-2017, lúc này bà T, bà L đã làm hụi lâu rồi. Sau này bà tự làm hụi thì ngưng chơi hụi của bà T. Bà cam đoan lời trình bày là đúng sự thật và xin vắng trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*\* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tại phiên tòa như sau:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại phường S, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ hui. Căn cứ vào các Điều 471 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “*Hợp đồng góp hui*”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do. Người làm chứng Phạm Thị Kim A, Hồ Thị Cẩm V vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng Trần Thị H2 vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng.

[4]. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 976.000.000 đồng. Thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn có cung cấp giấy chốt nợ hui ngày 04/11/2018. Bị đơn là chị T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng không có ý kiến trình bày.

Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch chơi hui giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, thể hiện qua giấy chốt hui mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Trong giấy chốt nợ thể hiện bà Lê Thu T có thiếu “Bác mười” số tiền là 976.000.000 đồng, mần hui là tháng 5/2018.

Nguyên đơn có cung cấp một đơn xin xác nhận về việc bà T gọi bà L là B mười theo vai vế họ hàng là đúng sự thật. Điều đó có căn cứ cho rằng “Bác mười” trong giấy chốt hui mà nguyên đơn cung cấp chính là bà Trần Thị Ngọc L.

Bị đơn là bà Lê Thu T đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm nhưng bà vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà L. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tài liệu, tình tiết, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy bà T đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà T là thảo hui của bà L, đồng thời cũng là hui viên của bà L nhưng lại không thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hui và hui viên được quy định tại Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, nên bà L có quyền đòi lại số tiền hui còn nợ là có căn cứ.

Xét thấy số tiền trên bà T nợ đã lâu, chót hui từ năm 2018, có ghi giấy chót nợ nhưng đến nay chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Bà L đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện. Việc bị đơn vắng mặt nhằm kéo dài thời gian trả nợ gây thiệt thòi quyền lợi cho nguyên đơn nên cần buộc bị đơn trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 229, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án;

- Các Điều 468, 471 Bộ luật Dân sự;

- Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về Hộ, hui, biên, phường;

- Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc L.

Buộc chị Lê Thu T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Ngọc L1 số tiền tổng cộng là 976.000.000 đồng, thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Chị Lê Thu T phải chịu 27.040.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- Tòa án nhân dân tỉnh DT;
- VKSND KV2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Nguyễn Thị Thu Thảo**